BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

Dự thảo 4-2026

THÔNG TƯ

Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam bao gồm: bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng trung học nghề, bằng trung cấp, bằng cao đẳng, bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ, văn bằng chương trình đào tạo chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù, văn bằng khác trong hệ thống giáo dục quốc dân của nước cấp bằng, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, chứng chỉ sơ cấp I, chứng chỉ sơ cấp II và chứng chỉ sơ cấp III (sau đây gọi chung là văn bằng).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc công nhận văn bằng

1. Công nhận văn bằng là dịch vụ công, được thực hiện theo nhu cầu của người có văn bằng, cơ quan quản lý về nhân sự hoặc đơn vị quản lý lao động (sau đây gọi chung là người đề nghị công nhận văn bằng).

2. Công nhận văn bằng phản ánh trung thực kết quả học tập của người học theo hệ thống giáo dục, hệ thống văn bằng của nước cấp bằng.

Điều 3. Miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng

1. Miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng đối với các văn bằng sau đây:

a) Văn bằng thuộc phạm vi áp dụng của Hiệp định, Thỏa thuận về công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc Điều ước quốc tế có liên quan đến công nhận văn bằng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập;

b) Văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người đi học bằng ngân sách Nhà nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi học và tiếp nhận về nước.

2. Việc miễn thủ tục công nhận văn bằng không bao gồm việc kiểm tra, xác minh tính hợp pháp, hợp lệ của văn bằng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận văn bằng có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, xác minh khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều kiện công nhận văn bằng

1. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được công nhận khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục cấp văn bằng được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi đặt trụ sở chính cho phép đào tạo và cho phép cấp văn bằng;

b) Cơ sở giáo dục (bao gồm phân hiệu thực hiện đào tạo) được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng và văn bằng đề nghị công nhận được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính công nhận;

c) Chương trình giáo dục được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng tương ứng với phương thức đào tạo.

2. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học theo phương thức đào tạo trực tiếp tại nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính được công nhận nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo hoặc có phân hiệu tại nước khác nơi đặt trụ sở chính (không bao gồm Việt Nam) được công nhận nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và một trong các điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục thực hiện hoạt động đào tạo được tự chủ thực hiện hợp tác đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo và được công nhận chất lượng bởi cơ quan có thẩm quyền của nước nơi thực hiện hoạt động đào tạo;

b) Cơ sở giáo dục thực hiện hoạt động đào tạo được tự chủ thực hiện hợp tác đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo và được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động đào tạo cho phép đào tạo, cấp bằng;

c) Cơ sở giáo dục thực hiện hoạt động đào tạo được tự chủ thực hiện hợp tác đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo và được kiểm định chất lượng bởi cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng của nước nơi thực hiện hoạt động đào tạo;

d) Chương trình giáo dục được cấp phép thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động đào tạo;

đ) Chương trình giáo dục được kiểm định chất lượng bởi cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng của nước nơi thực hiện hoạt động đào tạo.

4. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo hoặc mở phân hiệu tại Việt Nam cấp được công nhận khi cơ sở giáo dục đó được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Việt Nam cho phép hoạt động giáo dục, đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo, mở phân hiệu, đồng thời đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học theo phương thức đào tạo từ xa (thực hiện trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp hoặc phương thức từ xa khác như thư tín, phát thanh - truyền hình…) được công nhận khi đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và một trong hai điều kiện sau:

a) Chương trình đào tạo được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Việt Nam cho phép đào tạo khi người học lưu trú và học tập tại Việt Nam;

b) Chương trình đào tạo được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi tổ chức đào tạo cho phép khi người học lưu trú và học tập tại nước đó.

6. Văn bằng giáo dục phổ thông, văn bằng giáo dục đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận khi đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và một trong các điều kiện quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này tương ứng với các phương thức đào tạo.

Văn bằng giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận khi đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và một trong các điều kiện quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này tương ứng với các phương thức đào tạo; đồng thời bảo đảm tương đương về điều kiện trình độ tuyển đầu vào, tương thích về thời lượng học tập tính theo năm học hoặc theo số tín chỉ tích lũy ở cuối khóa học theo quy định của các bậc trình độ Việt Nam.

7. Bằng tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học theo phương thức đào tạo trực tiếp tại cơ sở đào tạo nếu phải thực hiện nghiên cứu thực địa tại nước khác được công nhận nếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và người học phải có thời gian lưu trú, học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi thực hiện hoạt động đào tạo.

Bằng tiến sĩ của chương trình đào tạo theo hình thức công nhận kết quả nghiên cứu, công trình khoa học đã có của người học được công nhận khi đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và người học được tiếp nhận vào chương trình đào tạo tiến sĩ, có người hướng dẫn khoa học hoặc hội đồng học thuật phụ trách, thực hiện bảo vệ luận án hoặc báo cáo tổng hợp trước hội đồng; các công trình khoa học sử dụng để xét cấp bằng phải phù hợp với lĩnh vực đào tạo, được công bố trên các ấn phẩm khoa học có phản biện và thể hiện rõ vai trò, đóng góp của người học.

8. Việc công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, các trường hợp bất khả kháng và các trường hợp đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Điều 5. Thẩm quyền công nhận văn bằng

1.

Phương án 1:

Giám đốc Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng công nhận văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp, bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng chương trình đào tạo chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù

Phương án 2:

Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp, bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng chương trình đào tạo chuyên sâu của một số ngành, lĩnh vực đặc thù.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

3. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này tự đánh giá văn bằng hoặc quá trình học tập và tín chỉ tích lũy để sử dụng trong hoạt động đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá văn bằng. Trường hợp cần thiết, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể đề nghị người học sử dụng dịch vụ công về công nhận văn bằng.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận văn bằng

1. Hồ sơ công nhận văn bằng

a) Hồ sơ bao gồm:

- Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt;

- Bản sao phụ lục văn bằng (trừ các trang giới thiệu về hệ thống giáo dục của nước cấp bằng) hoặc bảng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt;

- Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp đối với hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng trung cấp, cao đẳng và liên thông đại học.

b) Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động đào tạo tại Việt Nam hoặc mở phân hiệu tại Việt Nam cấp, hồ sơ gồm các thành phần quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo theo phương thức từ xa khi người học lưu trú và học tập tại Việt Nam cấp, hồ sơ gồm các thành phần quy định tại điểm a khoản này kèm theo Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng.

d) Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo theo phương thức trực tiếp tại nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính cấp; văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài có hoạt động đào tạo tại nước khác nơi đặt trụ sở chính hoặc có phân hiệu tại nước khác nơi đặt trụ sở chính cấp; văn bằng do cơ sở giáo dục nước

ngoài đào tạo theo phương thức đào tạo từ xa khi người học lưu trú và học tập tại nước ngoài cấp, hồ sơ gồm các thành phần quy định tại điểm a khoản này và các giấy tờ sau đây:

- Dữ liệu xuất nhập cảnh trong thời gian học ở nước ngoài trích xuất từ VNeID hoặc hệ thống dịch vụ công quốc gia. Trường hợp chưa có các dữ liệu trên thì nộp bản sao hợp lệ văn bản thể hiện thời gian học ở nước ngoài, gồm: Quyết định cử đi học và tiếp nhận của đơn vị quản lý lao động ở cấp Bộ (nếu có); hộ chiếu, các trang thị thực có visa, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thông tin xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ minh chứng khác thể hiện rõ thời gian học ở nước ngoài;

- Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng.

2. Trình tự và thủ tục công nhận văn bằng

Người đề nghị công nhận văn bằng cung cấp các thông tin quy định tại Phụ lục I Thông tư này và tải hồ sơ lên Hệ thống dịch vụ công quốc gia và thực hiện thanh toán lệ phí theo quy định. Đối với các thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu ngành thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục công nhận văn bằng khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu đó để thay thế thành phần hồ sơ và không yêu cầu người đề nghị công nhận văn bằng nộp bản giấy hoặc bản chứng thực điện tử của các giấy tờ có thông tin đã tồn tại trong các cơ sở dữ liệu.

Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng có văn bằng điện tử hoặc có thông tin xác thực trực tiếp được gửi từ cơ sở giáo dục cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng đến cho cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng thì tải lên cổng dịch vụ công trực tuyến bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (không cần chứng thực điện tử từ bản chính).

Trường hợp văn bằng bằng tiếng Anh có thông tin xác thực trực tiếp được gửi từ cơ sở giáo dục cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng đến cho cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng thì tải lên cổng dịch vụ công trực tuyến bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (không cần dịch công chứng sang tiếng Việt) hoặc tải bản chứng thực điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (nếu có).

Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng không có thông tin, minh chứng để xác thực trực tiếp thì thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trừ văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng không cần thực hiện chứng thực bản sao điện tử) và tải lên cổng dịch vụ công trực tuyến.

3. Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng không thể tải lên cổng dịch vụ công trực tuyến vì lý do bất khả kháng thì nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng trả kết quả công nhận văn bằng cho người đề nghị. Trường hợp cần xác minh thông tin từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc làm rõ về các thông tin liên quan đến

văn bằng, thời hạn trả kết quả công nhận không vượt quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

5. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục công nhận văn bằng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Điều 7. Kết quả công nhận văn bằng

1. Giấy công nhận văn bằng theo bậc trình độ trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam được cấp đối với văn bằng đủ điều kiện công nhận, có thời gian đào tạo tương thích với trình độ đào tạo theo quy định của Việt Nam, xác định được mức độ tương đương với các bậc trình độ của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Trên giấy công nhận ghi rõ mức độ tương đương (Mẫu Giấy công nhận theo Phụ lục II Thông tư này).

2. Giấy công nhận văn bằng theo bậc trình độ của hệ thống giáo dục nước cấp bằng được cấp đối với văn bằng đủ điều kiện công nhận nhưng có thời gian đào tạo không tương thích với trình độ đào tạo theo quy định của Việt Nam hoặc không xác định được mức độ tương đương với các bậc trình độ của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Trên giấy công nhận cung cấp thông tin liên quan đến giá trị văn bằng theo hệ thống giáo dục của nước cấp bằng (Mẫu Giấy công nhận theo Phụ lục III Thông tư này).

3. Thông báo kết quả xử lý hồ sơ công nhận văn bằng đối với văn bằng không đủ điều kiện công nhận theo quy định tại Điều 4 Thông tư này hoặc quá thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 6 mà không đủ căn cứ xác minh thông tin liên quan để công nhận văn bằng (Mẫu Thông báo theo Phụ lục IV Thông tư này).

4. Kết quả công nhận văn bằng được thể hiện dưới dạng văn bản giấy, văn bản điện tử hoặc văn bản số và có giá trị như nhau.

Thông tin tra cứu từ cơ sở dữ liệu về công nhận văn bằng có giá trị xác minh thay cho việc cơ quan quản lý sổ gốc cấp giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này xác minh bằng văn bản.

Điều 8. Thu hồi, hủy bỏ, chỉnh sửa và cấp lại Giấy công nhận văn bằng

1. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ, chỉnh sửa và cấp lại Giấy công nhận văn bằng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, hủy bỏ Giấy công nhận văn bằng nếu chương trình liên kết đào tạo có kết luận vi phạm quy định, văn bằng không hợp pháp hoặc hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng không trung thực;

b) Chỉnh sửa nội dung Giấy công nhận văn bằng nếu thông tin ghi trên Giấy công nhận văn bằng sai do người học cung cấp và không có lỗi của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng;

c) Cấp lại Giấy công nhận văn bằng nếu Giấy công nhận văn bằng đã cấp phát hiện bị viết sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

2. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng ra quyết định hủy bỏ, thu hồi, chỉnh sửa, cấp lại Giấy công nhận văn bằng trong đó nêu rõ lý do hủy bỏ, thu hồi, chỉnh sửa và cấp lại.

3. Quyết định hủy bỏ, thu hồi, chỉnh sửa, cấp lại Giấy công nhận văn bằng được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng; được gửi đến người có Giấy công nhận văn bằng bị hủy bỏ, thu hồi, chỉnh sửa, cấp lại và cơ quan đang công tác của người đó (nếu có), cơ quan kiểm tra phát hiện sai phạm (nếu có) và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng và các đơn vị liên quan

1. Cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng có trách nhiệm lập sổ gốc cấp giấy công nhận, sổ gốc phát hành thông báo kết quả công nhận văn bằng; hằng năm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo số lượng các loại văn bằng đã được công nhận trước ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc công nhận văn bằng (nếu có).

2. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá văn bằng lập sổ theo dõi, trong đó ghi các thông tin về: họ tên, ngày tháng năm sinh của người được công nhận văn bằng; tên cơ sở giáo dục cấp bằng; phương thức đào tạo; trình độ tương đương với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc trình độ theo hệ thống giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính (nếu có) và nêu rõ căn cứ đánh giá theo quy định của Thông tư này; số vào sổ cấp giấy công nhận.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo, liên kết giáo dục, liên kết đào tạo cấp văn bằng của nước ngoài có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc thực hiện hợp tác, liên kết theo từng khóa đào tạo cho cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng, gồm các thông tin về: quyết định cấp phép, gia hạn, điều chỉnh; đề án hoặc thỏa thuận liên kết đào tạo; xác nhận đã thực hiện chương trình theo quyết định cấp phép và quy định hiện hành; danh sách người học tốt nghiệp theo từng khóa đào tạo; làm rõ các thông tin liên quan đến các chương trình liên kết đào tạo đã tham gia khi cơ quan có thẩm quyền về công nhận văn bằng đề nghị.

4. Vụ Giáo dục Đại học, Cục Hợp tác quốc tế và các đơn vị khác thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với Cục Quản lý chất lượng xử lý các công việc liên quan thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ công nhận văn bằng đã nộp tới cơ quan có thẩm quyền về công nhận văn bằng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo Thông tư số 34/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc công nhận đối với văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp, Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam và Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Điều 7 và thay thế Phụ lục II, Phụ lục III của Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Thông tư này thay thế Thông tư số 34/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc công nhận đối với văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp; Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam và Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Điều 7 và thay thế Phụ lục II, Phụ lục III của Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Giám đốc Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- UBVHXH của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Bộ Tư pháp;
- Như Điều 11;
- Công báo điện tử; Cổng PLQG; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục QLCL(15).

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục I
MẪU PHIẾU ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHIẾU ĐỀ NGHỊ
Công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp

I. Thông tin của người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận
Họ và tên (người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận): .....
Sinh ngày … tháng…. năm……. Giới tính: …….....
Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ……..., cấp ngày … tháng … năm; nơi cấp……
Địa chỉ liên hệ: ……..…….....…….....
Số điện thoại:…….....…Email:…….....……
II. Thông tin văn bằng/ chứng chỉ/chứng nhận
Trình độ đào tạo:…….....……...
Tên cơ sở cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận: .....
Tên cơ sở thực hiện đào tạo (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận): …….…….....
Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận cấp ngày … tháng… năm ……
Phương thức đào tạo (trực tiếp tại nước ngoài, liên kết, trực tuyến,…):.....…….....
Thời gian đào tạo (ghi cụ thể thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở cấp văn bằng): từ tháng...../năm.....đến tháng...../năm.....
Lĩnh vực/ngành/chuyên ngành đào tạo (nếu có):……
III. Minh chứng xác thực văn bằng/ chứng chỉ/chứng nhận
…….....
…….....

Tôi xin cam đoan các nội dung trình bày trên đều đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Ghi chú: Nếu đề nghị công nhận từ 02 văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận trở lên, ghi rõ nội dung của mục II theo từng văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

Phụ lục II
MẪU GIẤY CÔNG NHẬN
(Kèm theo Thông tư số ...../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

..... (1)
.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CÔNG NHẬN
(Theo bậc trình độ trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam)

I. Thông tin người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận

Họ và tên: ..... (3)

Sinh ngày……tháng.....năm.....

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:

.....

II. Thông tin văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận được công nhận

Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận của .....(4) cấp năm……(5)

Cho.....……(6)

Do ..... (7)

Là văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận…….……(8)

Thời gian đào tạo/tín chỉ: ..... (9)

Phương thức đào tạo: ..... (10)

Nhận xét: ..... (11)

Địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra:..... (12)

..... (13), *ngày..... tháng... năm .....*

.....(14)

Mã tham chiếu (15)

Số vào sổ cấp giấy công nhận:... (16)

HƯỚNG DẪN GHI NỘI DUNG TRÊN GIẤY CÔNG NHẬN THEO BẬC TRÌNH ĐỘ TRONG KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

(1) Ghi tên cơ quan quản lý trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(2) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(3) Ghi rõ họ tên người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(4) Ghi tên cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận và tên nước nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở chính.

(5) Ghi năm văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận được cấp.

(6) Ghi họ tên người được cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận nếu là văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận điện tử hoặc nếu có minh chứng xác thực trực tiếp từ cơ sở giáo dục cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng/chứng nhận.

(7) Ghi tên cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo và tên nước nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở chính (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận).

(8) Ghi tên văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận theo hệ thống giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính.

(9) Ghi số năm đào tạo hoặc số tín chỉ (không áp dụng đối với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông).

(10) Ghi phương thức đào tạo nếu đủ minh chứng xác định (không áp dụng đối với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông).

(11) Ghi các thông tin sau: cấp học, trình độ đào tạo tương đương theo hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hoặc Khung trình độ quốc gia Việt Nam; lĩnh vực/ngành/chuyên ngành đào tạo và các nhận xét khác (nếu có).

(12) Ghi địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra tính xác thực của giấy công nhận.

(13) Ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng đóng trụ sở.

(14) Ghi chức danh của người có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(15) Mã tham chiếu của Giấy công nhận văn bằng (mã QR).

(16) Ghi số vào sổ cấp giấy công nhận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

Phụ lục III

MẪU GIẤY CÔNG NHẬN

(Kèm theo Thông tư số ...../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

..... (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CÔNG NHẬN

(Theo bậc trình độ của nước cấp bằng)

I. Thông tin người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận

Họ và tên: ..... (3)

Sinh ngày……tháng.....năm.....

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu: .....

II. Thông tin văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận được công nhận

Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận của ..... (4) cấp năm……(5)

Cho.....……..(6)

Do ..... (7)

Là văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận……....(8)

Thời gian đào tạo/tín chỉ: ..... (9)

Phương thức đào tạo:..... (10)

Nhận xét: ..... (11)

Địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra:..... (12)

..... (13), *ngày..... tháng... năm*

.....(14)

Mã tham chiếu (15)

Số vào sổ cấp giấy công nhận:... (16)

HƯỚNG DẪN GHI NỘI DUNG TRÊN GIẤY CÔNG NHẬN THEO BẬC TRÌNH ĐỘ CỦA NƯỚC CẤP BẰNG

(1) Ghi tên cơ quan quản lý trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(2) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(3) Ghi rõ họ tên người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(4) Ghi tên cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận và tên nước nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở chính.

(5) Ghi năm văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận được cấp.

(6) Ghi họ tên người được cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận nếu là văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận điện tử hoặc nếu có minh chứng xác thực trực tiếp từ cơ sở giáo dục cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực văn bằng/chứng nhận.

(7) Ghi tên cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo và tên nước nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở chính (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận).

(8) Ghi tên văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận theo hệ thống giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính.

(9) Ghi số năm đào tạo hoặc số tín chỉ (không áp dụng đối với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông).

(10) Ghi phương thức đào tạo nếu đủ minh chứng xác định (không áp dụng đối với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông).

(11) Ghi thông tin của văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo hệ thống giáo dục của nước cấp bằng và các nhận xét khác (nếu có). Trường hợp văn bằng có thời gian đào tạo không tương thích với cùng trình độ đào tạo theo quy định của Việt Nam và văn bằng giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp của nước ngoài cần ghi rõ: cơ sở giáo dục của Việt Nam có thể căn cứ vào nội dung và quá trình học tập để bổ sung khối lượng kiến thức nếu người học muốn học tập hoàn thiện văn bằng theo hệ thống giáo dục của Việt Nam.

(12) Ghi địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra tính xác thực của giấy công nhận.

(13) Ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng đóng trụ sở.

(14) Ghi chức danh của người có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(15) Mã tham chiếu của Giấy công nhận văn bằng (mã QR).

(16) Ghi số vào sổ cấp giấy công nhận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.

Phụ lục IV

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG

(Kèm theo Thông tư số ...../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

..... (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

Kết quả xử lý hồ sơ công nhận văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận (3)

Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận (3) ……(4) của……....(5) cấp năm……(6)

Cho.....……..... (7)

Do ..... ……...….(8)

Thời gian đào tạo/tín chỉ:……(9)

Phương thức đào tạo:……..(10)

Kết quả hồ sơ: Không/Chưa đủ cơ sở/điều kiện công nhận.

Lý do: .....(11)

Địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra :.....(12)

..... (13), *ngày..... tháng... năm*

.....(14)

Mã tham chiếu (15)

Số vào sổ cấp thông báo:... (16)

HƯỚNG DẪN GHI NỘI DUNG
TRÊN THÔNG BÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG

(1) Ghi tên cơ quan quản lý trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(2) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(3) Ghi một trong số các loại: văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(4) Ghi tên văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận theo hệ thống giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính.

(5) Ghi tên cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận và tên nước nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở chính.

(6) Ghi năm cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(7) Ghi họ tên của người có văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận.

(8) Ghi tên cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo và tên nước nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở chính (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận).

(9) Ghi số năm đào tạo hoặc số tín chỉ (không áp dụng đối với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông).

(10) Ghi phương thức đào tạo nếu đủ minh chứng xác định (không áp dụng đối với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông).

(11) Ghi lý do văn bằng chưa/không đủ cơ sở/điều kiện công nhận do chưa đáp ứng các quy định tại Điều 4 Thông tư này hoặc quá thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này mà không đủ căn cứ xác minh thông tin liên quan để công nhận văn bằng.

(12) Ghi địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra tính xác thực của giấy công nhận.

(13) Ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng đóng trụ sở.

(14) Ghi chức danh của người có thẩm quyền công nhận văn bằng.

(15) Mã tham chiếu của Thông báo kết quả xử lý hồ sơ công nhận văn bằng (mã QR).

(16) Ghi số vào sổ cấp thông báo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng.